TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Nguyễn Thị Thêu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ hiện nay: 64 Myeongje-ro1, J-gu, C-si, K-do (M), Hàn Quốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty L và Cộng sự. Người đại diện: Ông Vũ Văn T1 - Giám đốc điều hành. Địa chỉ: Ngõ D, D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Khu V, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Anh T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 19/12/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung. Năm 2024, anh sang Hàn Quốc để làm kinh tế, do khoảng cách địa lý xa xôi nên mâu thuẫn vợ chồng càng khó giải quyết. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Bùi Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 24/8/2016 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 09/02/2021. Ly hôn anh có nguyện vọng để mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Nguyễn Quốc H1, chị H nuôi con Nguyễn Gia P, không ai phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay anh đang lao động tại nước ngoài nên bố mẹ anh là người hỗ trợ anh chăm sóc cháu H1 trong thời gian anh vắng nhà.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị đã biết Toà án đang giải quyết việc anh Nguyễn Văn T xin ly hôn nhưng chị không đồng ý với việc anh T xin ly hôn chị, do anh chị chưa giải quyết rõ ràng về các khoản nợ chung của vợ chồng, ngoài ra chị H không trình bày gì thêm.

* Xác minh tại gia đình chị Bùi Thị H, bà Nguyễn Thị T2 là mẹ đẻ của chị H trình bày: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2024 anh T đi lao động xuất khẩu ở Hàn Quốc thì giữa anh T và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng bà không rõ nguyên nhân cụ thể. Từ khi anh T đi, chị H ở với gia đình bà ở thôn V, thị trấn H, huyện H, tinh T và cũng đang chuẩn bị đi lao động xuất khẩu. Vợ chồng trước kia đều làm công nhân, sau đó nghỉ làm và mở xưởng may tại nhà nhưng làm ăn thua lỗ nên anh T phải đi làm ăn kinh tế.

Anh chị có hai con chung như anh T trình bày, con lớn Nguyễn Quốc H1 hiện ở cùng ông bà nội tại xã T, huyện H, con bé là Nguyễn Gia P hiện ở cùng với mẹ là chị Bùi Thị H.

Về tài sản: Anh chị có tài sản chung hay nợ nần như thế nào và nợ những ai bà không biết.

Nay anh T xin ly hôn chị H, bà mong muốn các con đoàn tụ nhưng nếu anh chị kiên quyết ly hôn thì gia đình cũng phải chấp nhận. Về việc nuôi con chung và phân chia tài sản, nợ nần do anh chị tự giải quyết với nhau, gia đình không liên quan.

Các Thông báo và Giấy báo Toà án gửi đến chị H đã biết nhưng hiện tại chị H đi làm nên không có mặt ở nhà.

* Xác minh tại chính quyền địa phương, trưởng khu V, thị trấn H, huyện H cung cấp: Anh T và chi H có hộ khẩu ở xã T, huyện H nhưng hiện tại chị H ở cùng bố mẹ đẻ tại khu V, thị trấn H. Anh T và chị H có hai con chung như anh T trình bày là đúng, một con chung của anh chị ở cùng ông bà nội tại xã T, huyện H, một con chung còn nhỏ ở cùng chị H tại thị trấn H, huyện H như bà Nguyễn Thị T2 trình bày. Anh T chị H mâu thuẫn như thế nào và có tài sản hay nợ nần gì không thì địa phương không nắm được cụ thể do gia đình không báo cáo.

* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Quốc H1 là muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn với chị Bùi Thị H, giao con Nguyễn Quốc H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Gia P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho con, không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn là chị Bùi Thị H vắng mặt lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ, có người đại diện theo ủy quyền nhưng có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:* Nguyên đơn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện cấm kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 19/12/2015, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do làm ăn kinh tế thua lỗ dẫn đến việc anh T đi làm ăn kinh tế tại nước ngoài nên mâu thẫn vợ chồng càng khó giải quyết, hai bên đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay anh T và chị H không cùng chung sống mà mỗi người ở một nơi. Do xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh T xin ly hôn chị H nhưng chị H không đồng ý với lí do hai bên chưa giải quyết dứt điểm vấn đề nợ chung của vợ chồng. Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nuôi con, giải quyết về tài sản chung vợ chồng nhưng chị H không có mặt tại Tòa án theo giấy báo của Tòa. Như vậy chị H đã không còn tha thiết với hôn nhân của anh chị, tự từ bỏ quyền lợi của mình, việc không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm dù đã được thông báo nhiều lần thể hiện chị H không còn quan tâm đến hôn nhân với anh T nữa. Xét mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H là có thật, khó có thể hàn gắn, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh Nguyễn Văn T ly hôn với chị Bùi Thị H.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 24/8/2016 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 09/02/2021. Ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Nguyễn Quốc H1, chị H nuôi con Nguyễn Gia P, không ai phải cấp dưỡng cho con. Xét thực tế anh H1 đang lao động tại nước ngoài, hiện tại chị H cũng đã đi lao động nước ngoài nên không thể giao cả hai con cho một người nuôi dưỡng vì cả anh T và chị H đều cần có sự hỗ trợ của gia đình hai bên. Xét nguyện vọng của con H1 phù hợp với nguyện vọng của anh T, nên giao cho anh T nuôi con H1. Đối với con P còn nhỏ đang được mẹ và ông

bà ngoại chăm sóc, nên giao cho chị H nuôi con P là phù hợp, không ai phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết, chị H có trình bày về việc vợ chồng có nợ chung, Tòa án đã giải thích về việc người có yêu cầu phải làm đơn đề nghị Toà án giải quyết và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Toà án cũng đã yêu cầu chị Hậu cung C thông tin về các khoản nợ, họ tên, địa chỉ những người cho vợ chồng vay nợ nhưng hết thời hạn cung cấp tài liệu chứng cứ chị H vẫn không cung cấp cho Toà án và không có đơn yêu cầu Toà án giải quyết vì vậy Tòa án không có căn cứ để giải quyết việc phân chia tài sản chung, nợ chung vủa vợ chồng anh chị trong vụ án này. Anh T, chị H có quyền khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung vợ chồng bằng vụ án khác khi cần.

[4] Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 24/8/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Gia P, sinh ngày 09/02/2021 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T, chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được ở với người trực tiếp nuôi dưỡng, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T, chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí**:** Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000380 ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ hay niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà (Số ĐK:56 ngày 19/12//2015;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã //
- Cục THA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền